



shǎn guāng

闪光

noun / verb · flash; sparkle

Example Sentences

yè kōng zhōng yǒu yī kē xīng xīng zài shǎn guāng

夜空中有一颗星星在闪光。

There is a star flashing in the night sky.

tā de yǎn jīng zài yáng guāng xià shǎn guāng

他的眼睛在阳光下闪光。

His eyes sparkle in the sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

闪	闪	闪	闪	闪	闪	闪	闪												
光	光	光	光	光	光	光	光	光											